

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TRÊN HỆ THỐNG LOA TRUYỀN THANH CƠ SỞ

Kỳ 1

**Nội dung Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội ngày 16/6/2025 về
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam**

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

2. “Điều 9

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.”;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10

Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động; đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho đoàn viên công đoàn và người lao động; là đại diện duy nhất của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84 như sau:

“1. Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.”;

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 110 như sau:

“Điều 110

1. Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định.

2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập.

3. Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do Quốc hội quy định.”;

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 111 như sau:

“Điều 111

1. Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở đơn vị hành chính phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo do Quốc hội quy định.

3. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.”.

Điều 2

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

Chủ tịch nước thực hiện việc công bố Nghị quyết này.

2. Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Khi kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong năm 2025 thì không tiến hành bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân tại đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp; không bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp. Căn cứ thông báo của cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp; Thủ tướng Chính phủ chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp và chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính cấp dưới hình thành sau sắp xếp; Thường trực Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hình thành sau sắp xếp chỉ định Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trường hợp đặc biệt, cho phép chỉ định nhân sự không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân giữ các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp hoặc làm đại biểu Hội đồng nhân dân để hình thành Hội đồng nhân dân lâm thời ở các phường đang thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Kỳ 2

Một số nội dung của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

Điều 1. Đơn vị hành chính

1. Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có:

- a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);
- b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã).

Xã là đơn vị hành chính ở nông thôn; phường là đơn vị hành chính ở đô thị; đặc khu là đơn vị hành chính ở một số hải đảo có vị trí quan trọng được thành lập phù hợp với điều kiện địa lý, tự nhiên, đặc điểm dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt là địa bàn có vị trí chiến lược, được tổ chức theo mô hình đặc thù, được áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, thực hiện các chính sách mới về quản trị địa phương, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quyết định thành lập.

Điều 2. Tổ chức chính quyền địa phương

1. Chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật này, trừ đơn vị hành chính quy định tại Điều 28 của Luật này, là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

Điều 3. Phân loại đơn vị hành chính

1. Phân loại đơn vị hành chính là cơ sở để hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của chính quyền địa phương phù hợp với từng loại đơn vị hành chính.

2. Phân loại đơn vị hành chính phải dựa trên các tiêu chí về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

Hội đồng nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Ủy ban nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

2. Tổ chức chính quyền địa phương tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại, thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

3. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền địa phương gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân; thực hiện đầy đủ cơ chế phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

4. Bảo đảm nền hành chính minh bạch, thống nhất, thông suốt, liên tục.

5. Những công việc thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương phải do chính quyền địa phương quyết định và tổ chức thực hiện; phát huy vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

6. Phân định rõ thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương; giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã.

Điều 5. Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

đ) Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;

e) Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

4. Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới. Việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân. Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định.

Điều 6. Ủy ban nhân dân

1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

2. Nhiệm kỳ của Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Khi Hội đồng nhân dân hết nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới bầu ra Ủy ban nhân dân khóa mới.

3. Chính phủ lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân; ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân.

Điều 7. Quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương

1. Chính quyền địa phương phối hợp và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền,

vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân và được mời tham dự phiên họp của Ủy ban nhân dân cùng cấp khi bàn về các vấn đề có liên quan.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thực hiện chế độ thông báo tình hình của địa phương cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.

4. Chính quyền địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương tham gia xây dựng chính quyền; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổng hợp và chuyển đến.

Kỳ 3

Một số nội dung của Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về sắp xếp các ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025

Điều 1. Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở Đề án số 365/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị (mới) năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp để thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Hòa, Quảng Lộc, Quảng Văn và Quảng Minh thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Gianh**.

2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Tân, Quảng Trung, Quảng Tiên, Quảng Sơn và Quảng Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Ba Đồn**.

3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trọng Hóa và xã Dân Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Dân Hóa**.

4. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hóa Sơn và xã Hóa Hợp thành xã mới có tên gọi là **xã Kim Điền**.

5. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thượng Hóa, Trung Hóa, Minh Hóa và Tân Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Kim Phú**.

6. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Quy Đạt và các xã Xuân Hóa, Yên Hóa, Hồng Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Minh Hóa**.

7. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Hóa và xã Thanh Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Tuyên Lâm**.

8. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Thạch và xã Hương Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Tuyên Sơn**.

9. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Đồng Lê và các xã Kim Hóa, Lê Hóa, Thuận Hóa, Sơn Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Đồng Lê**.

10. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đồng Hóa, Thạch Hóa và Đức Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Tuyên Phú**.

11. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Phong Hóa, Ngư Hóa và Mai Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Tuyên Bình**.

12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tiến Hóa, Châu Hóa, Cao Quảng và Văn Hóa thành xã mới có tên gọi là **xã Tuyên Hóa**.

13. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Phù Cảnh, Liên Trường và Quảng Thanh thành xã mới có tên gọi là **xã Tân Gianh**.

14. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Lưu, Quảng Thạch và Quảng Tiến thành xã mới có tên gọi là **xã Trung Thuần**.

15. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Phương, Quảng Xuân và Quảng Hưng thành xã mới có tên gọi là **xã Quảng Trạch**.

16. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Châu, Quảng Tùng và Cảnh Dương thành xã mới có tên gọi là **xã Hòa Trạch**.

17. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp thành xã mới có tên gọi là **xã Phú Trạch**.

18. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trạch và xã Thượng Trạch thành xã mới có tên gọi là **xã Thượng Trạch**.

19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Phong Nha và các xã Lâm Trạch, Xuân Trạch, Phúc Trạch thành xã mới có tên gọi là **xã Phong Nha**.

20. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thanh Trạch, Hạ Mỹ, Liên Trạch và Bắc Trạch thành xã mới có tên gọi là **xã Bắc Trạch**.

21. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hải Phú (huyện Bố Trạch), Sơn Lộc, Đức Trạch và Đồng Trạch thành xã mới có tên gọi là **xã Đông Trạch**.

22. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hoàn Lão và các xã Trung Trạch, Đại Trạch, Tây Trạch, Hòa Trạch thành xã mới có tên gọi là **xã Hoàn Lão**.

23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hưng Trạch, Cự Năm, Vạn Trạch và Phú Định thành xã mới có tên gọi là **xã Bố Trạch**.

24. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Nông trường Việt Trung, xã Nhân Trạch và xã Lý Nam thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Trạch**.

25. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Quán Hàu và các xã Vĩnh Ninh, Võ Ninh, Hàm Ninh thành xã mới có tên gọi là **xã Quảng Ninh**.

26. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Ninh, Gia Ninh, Duy Ninh và Hải Ninh thành xã mới có tên gọi là **xã Ninh Châu**.

27. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vạn Ninh, An Ninh, Xuân Ninh và Hiền Ninh thành xã mới có tên gọi là **xã Trường Ninh**.

28. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Xuân và xã Trường Sơn thành xã mới có tên gọi là **xã Trường Sơn**.

29. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Kiến Giang và các xã Liên Thủy, Xuân Thủy, An Thủy, Phong Thủy, Lộc Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Lê Thủy**.

30. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Cam Thủy (huyện Lê Thủy), Thanh Thủy, Hồng Thủy và Ngư Thủy Bắc thành xã mới có tên gọi là **xã Cam Hồng**.

31. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hưng Thủy, Sen Thủy và Ngư Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Sen Ngư**.

32. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Thủy, Dương Thủy, Mỹ Thủy và Thái Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Tân Mỹ**.

33. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Trường Thủy, Mai Thủy và Phú Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Trường Phú**.

34. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Nông trường Lê Ninh, xã Sơn Thủy và xã Hoa Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Lê Ninh**.

35. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Kim Thủy, Ngân Thủy và Lâm Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Kim Ngân**.

36. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hồ Xá, xã Vĩnh Long và xã Vĩnh Chấp thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Linh**.

37. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cửa Tùng và các xã Vĩnh Giang, Hiền Thành, Kim Thạch thành xã mới có tên gọi là **xã Cửa Tùng**.

38. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vĩnh Thái, Trung Nam, Vĩnh Hòa và Vĩnh Tú thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Hoàng**.

39. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn và Vĩnh Thủy thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Thủy**.

40. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Bến Quan và các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê thành xã mới có tên gọi là **xã Bến Quan**.

41. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hải Thái, Linh Trường, Gio An và Gio Sơn thành xã mới có tên gọi là **xã Cồn Tiên**.

42. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cửa Việt, xã Gio Mai và xã Gio Hải thành xã mới có tên gọi là **xã Cửa Việt**.

43. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Gio Linh và các xã Gio Quang, Gio Mỹ, Phong Bình thành xã mới có tên gọi là **xã Gio Linh**.

44. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Trung Hải, Trung Giang và Trung Sơn thành xã mới có tên gọi là **xã Bến Hải**.

45. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Cam Lộ và các xã Cam Thành, Cam Chính, Cam Nghĩa thành xã mới có tên gọi là **xã Cam Lộ**.

46. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Cam Thủy (huyện Cam Lộ), Cam Hiếu, Cam Tuyền và Thanh An thành xã mới có tên gọi là **xã Hiếu Giang**.

47. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã A Bung và xã A Ngo thành xã mới có tên gọi là **xã La Lay**.

48. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã A Vao, Húc Nghi và Tà Rút thành xã mới có tên gọi là **xã Tà Rút**.

49. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Ba Nang, Tà Long và Đakrông thành xã mới có tên gọi là **xã Đakrông**.

50. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Triệu Nguyên và xã Ba Lòng thành xã mới có tên gọi là **xã Ba Lòng**.

51. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Krông Klang, xã Mò Ó và xã Hướng Hiệp thành xã mới có tên gọi là **xã Hướng Hiệp**.

52. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hướng Việt và xã Hướng Lập thành xã mới có tên gọi là **xã Hướng Lập**.

53. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hướng Sơn, Hướng Linh và Hướng Phùng thành xã mới có tên gọi là **xã Hướng Phùng**.

54. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Khe Sanh và các xã Tân Hợp, Húc, Hướng Tân thành xã mới có tên gọi là **xã Khe Sanh**.

55. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Tân Liên, Hướng Lộc và Tân Lập thành xã mới có tên gọi là **xã Tân Lập**.

56. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thành (huyện Hướng Hóa), xã Tân Long và thị trấn Lao Bảo thành xã mới có tên gọi là **xã Lao Bảo**.

57. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Thanh, Thuận và Lìa thành xã mới có tên gọi là **xã Lìa**.

58. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Ba Tầng, Xy và A Dơi thành xã mới có tên gọi là **xã A Dơi**.

59. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Ái Tử, xã Triệu Thành và xã Triệu Thượng thành xã mới có tên gọi là **xã Triệu Phong**.

60. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Triệu Ai, Triệu Giang và Triệu Long thành xã mới có tên gọi là **xã Ái Tử**.

61. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Triệu Độ, Triệu Thuận, Triệu Hòa và Triệu Đại thành xã mới có tên gọi là **xã Triệu Bình**.

62. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Triệu Trung, Triệu Tài và Triệu Cơ thành xã mới có tên gọi là **xã Triệu Cơ**.

63. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Triệu Trạch, Triệu Phước và Triệu Tân thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Cửa Việt**.

64. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường và xã Hải Định thành xã mới có tên gọi là **xã Diên Sanh**.

65. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hải Dương, Hải An và Hải Khê thành xã mới có tên gọi là **xã Mỹ Thủy**.

66. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hải Phú (huyện Hải Lăng), Hải Lâm và Hải Thượng thành xã mới có tên gọi là **xã Hải Lăng**.

67. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hải Sơn, Hải Phong và Hải Chánh thành xã mới có tên gọi là **xã Nam Hải Lăng**.

68. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Hải Quy, Hải Hưng và Hải Bình thành xã mới có tên gọi là **xã Vĩnh Định**.

69. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Đức Ninh Đông, Đồng Hải, Đồng Phú, Phú Hải, Hải Thành, Nam Lý, xã Bảo Ninh và xã Đức Ninh thành phường mới có tên gọi là **phường Đồng Hới**.

70. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Bắc Lý, xã Lộc Ninh và xã Quang Phú thành phường mới có tên gọi là **phường Đồng Thuận**.

71. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Bắc Nghĩa, phường Đồng Sơn, xã Nghĩa Ninh và xã Thuận Đức thành phường mới có tên gọi là **phường Đồng Sơn**.

72. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Quảng Phong, Quảng Long, Ba Đồn và xã Quảng Hải thành phường mới có tên gọi là **phường Ba Đồn**.

73. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Quảng Phúc, Quảng Thọ và Quảng Thuận thành phường mới có tên gọi là **phường Bắc Gianh**.

74. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 1 và Phường 3 (thành phố Đông Hà), Phường 4, phường Đông Giang, phường Đông Thanh thành phường mới có tên gọi là **phường Đông Hà**.

75. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 2 (thành phố Đông Hà), Phường 5, phường Đông Lễ và phường Đông Lương thành phường mới có tên gọi là **phường Nam Đông Hà**.

76. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 1, Phường 2 và Phường 3 (thị xã Quảng Trị), phường An Đôn, xã Hải Lệ thành phường mới có tên gọi là **phường Quảng Trị**.

77. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Cồn Cỏ thành đặc khu có tên gọi là **đặc khu Cồn Cỏ**.

78. Sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Trị có 78 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 69 xã, 08 phường và 01 đặc khu; trong đó có 68 xã, 08 phường, 01 đặc khu hình

thành sau sắp xếp quy định tại Điều này và 01 xã không thực hiện sắp xếp là xã Tân Thành (huyện Minh Hóa).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

Kỳ 4

Một số nội dung về trợ giúp pháp lý

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật nhằm giải tỏa các vướng mắc pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Ngày 20/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 với nhiều nội dung nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển bền vững công tác trợ giúp pháp lý theo hướng chuyên nghiệp hóa, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để cung cấp dịch vụ pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý.

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định những người sau đây được trợ giúp pháp lý miễn phí:

1. *Người có công với cách mạng.*
2. *Người thuộc hộ nghèo*
3. *Trẻ em (là người dưới 16 tuổi).*
4. *Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*
5. *Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.*
6. *Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.*
7. *Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; Người nhiễm chất độc da cam; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự; Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình; Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người; Người nhiễm HIV.*

(Theo quy định tại Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý, quy định điều kiện khó khăn về tài chính của người được trợ giúp pháp lý là người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật).

Người được trợ giúp pháp lý sẽ được miễn phí hoàn toàn, không phải trả tiền hoặc bất kỳ lợi ích vật chất nào khác. Người được trợ giúp pháp lý có thể tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý; được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý; được

lựa chọn người thực hiện trợ giúp pháp lý trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định của Luật Trợ giúp pháp lý; được thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đồng thời, người được trợ giúp pháp lý có các nghĩa vụ sau: Cung cấp giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý; Hợp tác, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu, chứng cứ đó; Tôn trọng tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; Không yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp pháp lý cho mình về cùng một vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thụ lý, giải quyết; Chấp hành pháp luật về trợ giúp pháp lý và nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

Khi có vướng mắc liên quan đến pháp luật cần được tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ trong các vụ việc, vụ án đề nghị liên hệ đến các địa chỉ sau để được trợ giúp pháp lý miễn phí:

1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Số 337, đường Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; số điện thoại: 02323. 841.046.

2. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2 tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: Số 40, đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; số điện thoại: 02333.557.755.